

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ X  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS-ST  
Ngày: 29 / 10 /2021  
V/v tranh chấp hợp đồng  
tín dụng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang;
2. Ông Trần Thế Mỹ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2021/TLST - DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 11/2021/QĐST-DS ngày 25/6/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 21/TB-MLPT ngày 04 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Ngân hàng H**; Trụ sở chính: xxx, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức M, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang N, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch X – chi nhánh An Giang đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 08/12/2020), có mặt.

*Đồng bị đơn:*

- Bà Lưu Ngọc **Hb**, sinh năm 1998; nơi cư trú: tổ 10, khóm Cp1, phường **CpB**, thành phố **X**, tỉnh An Giang; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Phạm Thanh **Sg**, sinh năm 1982; nơi cư trú: tổ 19, ấp Phước Thọ, xã D, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Trang Lữ Minh **CuX**, sinh năm 1974; địa chỉ: đường số 2, phường **CpA**, thành phố **X**, tỉnh An Giang; vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, ý kiến đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa trình bày: **Ngân hàng H** – Chi nhánh An Giang - Phòng giao dịch **X** (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) có cho vợ chồng ông Phạm Thanh **Sg** và bà Lưu Ngọc **Hb** vay tổng số tiền 6.000.000.000 (sáu tỷ) đồng theo Hợp đồng tín dụng số LD1933300005 ngày 29/11/2019 và hợp đồng tín dụng số LD1933300010 ngày 29/11/2019, cụ thể:

- Mục đích vay: Nuôi cá.

- Thời hạn: 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

- Giấy nhận số LD1933300221 ngày 29/11/2019 (Hợp đồng tín dụng số LD1933300005 ngày 29/11/2019), số tiền 5.000.000.000 (năm tỷ) đồng, lãi suất 9,5%/năm áp dụng 6 tháng đầu, ngày đáo hạn 28/11/2020.

- Giấy nhận số LD1933300258 ngày 29/11/2019 (hợp đồng tín dụng số LD1933300010 ngày 29/11/2019), số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, lãi suất 10,5%/năm áp dụng 6 tháng đầu, ngày đáo hạn 28/11/2020.

Để đảm bảo các khoản vay, ông **Sg** đã thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LD1933300005 ngày 29/11/2019 bao gồm:

+ Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 37, diện tích 105m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại phường **CpB**, thành phố **X** tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH11147 cấp ngày 29/02/2016 do bà La Mỹ Hương và ông Lê Thế Xuyên cùng đứng tên chủ sử dụng (ngày 24/3/2016 chuyển nhượng cho ông Phạm Thanh **Sg**).

+ Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 37, diện tích 105m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại phường **CpB**, thành phố **X** tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH11142 cấp ngày 29/02/2016 do bà La Mỹ Hương và ông Lê Thế Xuyên cùng đứng tên chủ sử dụng (ngày 24/3/2016 chuyển nhượng cho ông Phạm Thanh **Sg**).

+ Thửa đất số 103, tờ bản đồ số 37, diện tích 149.5m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại phường **CpB**, thành phố **X** tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH11159 cấp ngày 04/3/2016 ông Phạm Thanh **Sg** đứng tên chủ sử dụng.

+ Thửa đất số 419, tờ bản đồ số 23, diện tích 69,9m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại phường CpA, thành phố X tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08867 cấp ngày 30/03/2018 do ông Phạm Thanh Sg đứng tên chủ sử dụng.

Từ khi đáo hạn vay ngày 28/11/2020 đến nay ông Sg, bà Hb không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán vốn lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện ông Sg, bà Hb đến Tòa án X.

Ngân hàng yêu cầu ông Sg, bà Hb có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 29/10/2021, cụ thể:

- Theo Hợp đồng số LD1933300258 ngày 29 tháng 11 năm 2019:

+Vốn gốc: 4.000.000.000 đồng;

+Tiền lãi 681.939.938

- Theo Hợp đồng số LD1933300221 ngày 29 tháng 11 năm 2019): Tiền lãi: 31.682.238 đồng.

Tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 30/10/2021 theo mức lãi suất thỏa thuận quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Duy trì tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LD193330005 ngày 29/11/2019 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với ông Sg, bà Hb để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lưu Ngọc Hb xác định bà Hb và ông Phạm Thanh Sg có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng H – phòng giao dịch X để vay tiền. Thống nhất số tiền vay theo 02 Hợp đồng, thời gian vay, lãi suất, mục đích vay, phương thức thanh toán trả dần nợ gốc và lãi vào mỗi tháng.

Quá trình vay, bà Hb và ông Sg không thực hiện việc thanh toán đầy đủ vốn, lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Xác định hiện còn nợ lại một phần vốn gốc và tiền lãi của 02 Hợp đồng. Thống nhất số nợ vốn và tiền lãi Ngân hàng tính. Đồng ý cùng với Sg trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng nhưng hiện tại do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ nên xin được trả dần, 03 tháng trả 1.000.000.000 đồng cho đến khi hết. Đề nghị phát mãi tài sản đã thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trang Lữ Minh CuX trình bày: Bà CuX có thuê căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại khóm 5, phường CpA, thành phố X, tỉnh An Giang vào năm 2017 với giá thuê 8.000.000 đồng/năm. Thỏa thuận miệng, không làm hợp đồng thuê. Hiện đang trực tiếp quản lý toàn bộ căn nhà. Không có ý kiến đối với việc Ngân hàng H kiện ông Phạm Thanh Sg, bà Lưu Ngọc Hb.

Tại phiên tòa,

- Đại diện Ngân hàng trình bày: Yêu cầu ông **Sg**, bà **Hb** trả số nợ còn lại tạm tính đến ngày 29/10/2021, cụ thể:

+ Vốn gốc: 4.000.000.000 đồng; tiền lãi 681.939.938 đồng (theo Hợp đồng số LD1933300221 ngày 29 tháng 11 năm 2019).

+ Tiền lãi: 31.682.238 đồng (theo Hợp đồng số LD1933300258 ngày 29 tháng 11 năm 2019).

Tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 30/10/2021 theo mức lãi suất thỏa thuận quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán dứt nợ (theo Hợp đồng số LD1933300221 ngày 29 tháng 11 năm 2019).

Duy trì tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LD193330005 ngày 29/11/2019 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với ông **Sg**, bà **Hb** để đảm bảo cho việc thi hành án.

Quá trình giải quyết, bà **Hb** có trả thêm vốn 2.000.000.000 đồng (trong đó, 1.000.000.000 đồng cho Hợp đồng số LD1933300221 và trả vốn 1.000.000.000 đồng cho Hợp đồng số LD1933300258). Do đó, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn gốc 2.000.000.000 đồng mà ông **Sg**, bà **Hb** đã trả.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng, bị đơn bà **Hb**, người có quyền lợi liên quan bà **CuX** thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn **Sg** được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia suốt quá trình xem như từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình.

Về giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng giữa đôi bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức, nội dung phù hợp quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ. Quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn ông **Sg**, bà **Hb** vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **Sg**, bà **Hb** trả một lần số tiền còn nợ 4.713.622.176 đồng (trong đó, vốn: 4.000.000.000 đồng; lãi trong hạn 495.388.888 đồng; lãi quá hạn và phạt trễ hạn 218.233.287 đồng), tính đến ngày 29/10/2021 và tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 29/10/2021 theo Hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ chấp nhận theo quy

định tại các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Đối với trường hợp Ngân hàng yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp trên để đảm bảo thi hành án, thấy rằng khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bà **Hb**, ông **Sg** không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền nợ của Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản để thu hồi nợ.

Theo đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả 6.000.000.000 đồng tiền vốn, quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã trả cho Ngân hàng 2.000.000.000 nên Ngân hàng đã rút một phần yêu cầu; hiện yêu cầu bị đơn trả 4.000.000.000 đồng vốn. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 244 BLTTDS 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Đối với việc bà **Hb** xin Ngân hàng trả dần 1.000.000.000 đồng/03 tháng cho đến khi dứt nợ, không được phía Ngân hàng đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

#### *Về tố tụng:*

[1] *Thẩm quyền*: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng vay tài sản với bị đơn là ông Phạm Thanh **Sg** và Lưu Ngọc **Hb**. Tại Điều 10 hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận “Trường hợp yêu cầu Tòa án giải quyết, Sacombank có toàn quyền lựa chọn Tòa án nơi có trụ sở chính hoặc Tòa án nơi có trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của Sacombank nêu tại Hợp đồng...”. Ông **Sg** và **Hb** ký hợp đồng tín dụng tại Sacombank chi nhánh An Giang – phòng giao dịch **X**. Do đó, việc Sacombank khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố **X** là phù hợp theo thỏa thuận trong hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố **X** theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bị đơn Phạm Thanh **Sg** đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do; bị đơn Lưu Ngọc **Hb** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trang Lữ Minh **CuX** vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

#### *Về nội dung:*

[3] Hợp đồng tín dụng Hợp đồng số LD1933300221 và số LD1933300258 ngày 29 tháng 11 năm 2019 giữa **Ngân hàng H** chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch **X** và ông Phạm Thanh **Sg**, bà Lưu Ngọc **Hb** được giao



kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[4] Về vốn vay và tiền lãi: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số theo Hợp đồng số LD1933300221 và số LD1933300258 ngày 29 tháng 11 năm 2019) giữa Ngân hàng H chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch X và ông Phạm Thanh Sg, bà Lưu Ngọc Hb; lời khai đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng cùng biên bản ghi lời khai bà Lưu Ngọc Hb xác định vốn vay của 2 Hợp đồng trên là 5.000.000.000 (năm tỷ) đồng (Hợp đồng số LD1933300221 vốn vay 4.000.000.000 đồng và Hợp đồng số LD1933300258 vốn vay là 1.000.000.000 đồng).

Theo trình bày của đại diện Ngân hàng, quá trình vay ông Sg, bà Hb vi phạm việc thanh toán nợ khi đáo hạn vay. Ông Sg, bà Hb chỉ thanh toán tiền lãi nhưng không trả vốn. Đến ngày 05/01/2021, ông Sg và bà Hb trả vốn vay 1.000.000.000 đồng, nợ lại tiền lãi phát sinh (Hợp đồng số LD1933300258 ngày 29/11/2019), ngày 07/6/2021 ông Sg, bà Hb trả một phần vốn vay 1.000.000.000 đồng (Hợp đồng số LD1933300221 ngày 29/11/2021) thì ngưng cho đến nay. Ông Sg, bà Hb hiện còn nợ lại Ngân hàng tạm tính đến ngày 29/10/2021 và yêu cầu ông Sg, bà Hb có trách nhiệm trả nợ, cụ thể:

+ Vốn gốc: 4.000.000.000 đồng; tiền lãi 681.939.938 đồng (theo Hợp đồng số LD1933300221 ngày 29 tháng 11 năm 2019).

+ Tiền lãi: 31.682.238 đồng (theo Hợp đồng số LD1933300258 ngày 29 tháng 11 năm 2019).

Tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 30/10/2021 theo mức lãi suất thỏa thuận quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán dứt nợ (theo Hợp đồng số LD1933300221 ngày 29 tháng 11 năm 2019).

Duy trì tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LD193330005 ngày 29/11/2019 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với ông Sg, bà Hb để đảm bảo cho việc thi hành án.

Theo lời khai của bà Lưu Ngọc Hb xác định ông Sg và bà Hb có ký Hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh X (Hợp đồng số LD1933300221 và Hợp đồng số LD1933300258 ngày 29 tháng 11 năm 2019). Trong quá trình vay do ông Sg, bà Hb không thanh toán vốn, lãi theo thỏa thuận, hiện còn nợ vốn lãi như đại diện Ngân hàng trình bày, đồng ý cùng ông Sg trả nợ.

Thấy rằng, giữa Ngân hàng và ông Sg, bà Hb có giao kết hợp đồng tín dụng để ông Sg, bà Hb vay tiền. Quá trình vay do ông Sg, bà Hb không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Sg, bà Hb có trách nhiệm trả vốn vay và tiền lãi là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, xét chấp nhận.

Tại phiên tòa, Ngân hàng xác định theo đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín yêu cầu ông Sg, bà Hb trả vốn vay tổng cộng là 6.000.000.000 đồng nhưng trong quá trình giải quyết tại Tòa án phía ông Sg, bà Hb có trả vốn được 2.000.000.000 đồng. Do đó, hiện nay chỉ yêu cầu ông Sg, bà Hb trả vốn vay còn lại là 4.000.000.000 đồng, rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền 2.000.000.000 đồng. Xét, chấp nhận.

Buộc ông Phạm Thanh Sg và bà Lưu Ngọc Hb có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, cụ thể:

- Vốn gốc: 4.000.000.000 đồng; tiền lãi 681.939.938 đồng (theo Hợp đồng số LD1933300221 ngày 29 tháng 11 năm 2019).

- Tiền lãi: 31.682.238 đồng (theo Hợp đồng số LD1933300258 ngày 29 tháng 11 năm 2019).

*“Kể từ ngày 30/10/2021, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay”.*

[5] Về phương thức thanh toán bị đơn xin được trả dần, 03 tháng trả 1.000.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về tài sản thế chấp:

Để đảm bảo khoản vay, giữa Ngân hàng H – chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch X và ông Sg đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số LD1933300005 ngày 29/11/2019. Hợp đồng thế chấp được công chứng, chứng thực tại Văn phòng công chứng số 2 tỉnh An Giang và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/11/2019 tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh X phù hợp với quy định pháp luật nên làm phát sinh hiệu lực của hợp đồng. Bên cạnh đó, bà Hb cũng xác định các tài sản thế chấp vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Sg. Do đó, xét chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số LD1933300005 ngày 29/11/2019 để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán.

[7] Về án phí:

- Bị đơn có trách nhiệm trả vốn và lãi cho Ngân hàng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.713.622 (*Một trăm mười hai triệu, bảy trăm mười ba nghìn, sáu trăm hai mươi hai*) đồng.

- Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín đối với ông Phạm Thanh **Sg**, bà Lưu Ngọc **Hb** về việc trả số tiền vốn gốc 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng (theo Hợp đồng số LD1933300221 và số LD1933300258 ngày 29 tháng 11 năm 2019).

[2] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Buộc ông Phạm Thanh **Sg** và bà Lưu Ngọc **Hb** cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), cụ thể:

- Vốn gốc: 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng; tiền lãi 681.939.938 (Sáu trăm tám mươi một triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, chín trăm ba mươi tám) đồng (theo Hợp đồng số LD1933300221 ngày 29 tháng 11 năm 2019).

- Tiền lãi: 31.682.238 (Ba mươi một triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, hai trăm ba mươi tám) đồng (theo Hợp đồng số LD1933300258 ngày 29 tháng 11 năm 2019).

*“Kể từ ngày 30/10/2021, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay”.*

[3] Tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Phạm Thanh **Sg**, bà Lưu Ngọc **Hb** không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số LD1933300005 ngày 29/11/2019 giữa **Ngân hàng H** - chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch **X** với ông Phạm Thanh **Sg** theo quy định pháp luật về thi hành án.

[4] Về án phí:

Ông Phạm Thanh **Sg** và bà Lưu Ngọc **Hb** cùng liên đới chịu 112.713.622 (Một trăm mười hai triệu, bảy trăm mười ba nghìn, sáu trăm hai mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm.



Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 57.049.000 (*năm mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai 0004256 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

[5] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Phạm Thanh **Sg**, bà Lưu Ngọc **Hb** và bà Trang Lữ Minh **CuX** là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thanh Ngọc**